TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 13-02-2025
V/v: Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nguyệt.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Tư;
2. Ông Vũ Khắc Quế.

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thúy Hoa – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4- Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Thành – Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 13 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 440/2025/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2025, về tranh chấp "*Ly hôn"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2026/QĐST-DS ngày 28 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Đỗ Thị Thu H**, sinh năm 2000;

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã B, tỉnh Lâm Đồng.

2. *Bị đơn*: Ông **Phạm Hoàng L**, sinh năm 1997.

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã B, tỉnh Lâm Đồng.

Bà H có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, ông L vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 17/10/2025, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Đỗ Thị Thu H trình bày:

Bà Hồng kết hôn với ông Phạm Hoàng L từ năm 2019 có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện B1, tỉnh Lâm Đồng (nay là xã B, tỉnh Lâm Đồng) theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 13/2019 ngày 06/03/2019; hôn nhân tự nguyện, trước khi kết hôn có thời gian tìm hiểu và yêu thương khoảng 02 năm. Sau khi kết hôn vợ chồng sống với nhau tại gia đình chồng ở thôn Đ, xã B, tỉnh Lâm Đồng. Quá trình chung sống có nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm,

ông L ham chơi không lo làm ăn, thậm chí có dính líu đến việc sử dụng chất ma túy, vợ chồng nhiều lần to tiếng với nhau, bà H cùng gia đình đã nhiều lần khuyên can ông L nhưng không có kết quả; việc chăm sóc nuôi dạy con cái ông L không lo lắng gì mà bỏ mặc cho bà tự xử lý; bản thân bà đã cố gắng nhẫn nhịn bỏ qua trong nhiều năm nhưng đến nay đã không thể tiếp tục được nữa; từ tháng 10/2025 bà đã dọn ra ở riêng, vợ chồng sống ly thân không ai quan tâm tới ai. Ông L mặc dù nói muốn hàn gắn nhưng lại không chịu thay đổi, tình cảm vợ chồng hiện không còn. Bà H đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn cho bà và ông Phạm Hoàng L.

Về con chung: Bà và ông Long có 01 con chung tên Phạm Ngọc Tường V, sinh ngày 14/09/2019. Hiện nay, do bà H đang ở trọ chưa ổn định nên cháu V ở với bà nội nhưng hàng tuần bà vẫn về với cháu, bản thân bà vẫn gởi tiền cho bà nội để lo ăn uống và học hành cho cháu V. Trong thời gian tới khi ổn định được công việc và chỗ ở bà sẽ đón cháu về chung sống. Do đó, khi ly hôn bà có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu V đến khi thành niên; hiện nay bà làm công nhân công ty may KA NAM tại Khu công nghiệp S, thu nhập hàng tháng khoảng 7.000.000đ có đủ điều kiện nuôi con. Bà không yêu cầu ông Phạm Hoàng L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông L không đến Tòa án làm việc do đó Tòa án chỉ tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ.

Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Lâm Đồng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án như sau: thực hiện đúng trình tự thủ tục do Bộ luật Tố tụng dân sự qui định. Về nội dung vụ án: yêu cầu của bà H được ly hôn với ông L là có cơ sở chấp nhận; về con chung: Giao 01 con chung chưa thành niên tên Phạm Ngọc Tường V, sinh ngày 14/09/2019 cho bà H tiếp tục nuôi dưỡng đến khi thành niên. Về tài sản chung, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, về nợ chung các đương sự khai không có nên không đề cập đến. Về án phí: bà H phải chịu án phí DSST (ly hôn) theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Đỗ Thị Thu H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông Phạm Hoàng L; cư trú tại: xã B, tỉnh Lâm Đồng. Do vậy, xác định đây là tranh chấp ly hôn theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của

Tòa án nhân dân khu vực 4 - Lâm Đồng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2].Về tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do, căn cứ điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[3]. Về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ vào tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, qua xác minh tại địa phương, lời khai của các bên đương sự thấy rằng: Bà H và ông L tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn đúng theo qui định của pháp luật, quá trình vợ chồng chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn do quan điểm sống của vợ chồng khác nhau, không có sự quan tâm chia sẻ với nhau, mâu thuẫn đã kéo dài nhưng không có biện pháp khắc phục; ông L đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án làm việc, không có ý kiến yêu cầu về quan hệ hôn nhân, con chung, thể hiện ý chí bỏ mặc và không có thiện chí hàn gắn mâu thuẫn vợ chồng, bà H không còn tình cảm với ông L. Xét tình trạng hôn nhân giữa bà H và ông L đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được nên áp dụng Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H là có căn cứ và hợp pháp.

[4]. Về nuôi con chung: Bà H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phạm Ngọc Tường V, sinh ngày 14/09/2019, xét thấy cháu V còn nhỏ cần sự chăm sóc của mẹ; đồng thời hiện bà H có việc làm và thu nhập có thể đảm bảo việc chăm sóc nuôi dưỡng cháu V. Phía ông L không có ý kiến yêu cầu về việc nuôi con chung. Do đó xuất phát từ lợi ích mọi mặt của con, theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, cần giao con chung tên Phạm Ngọc Tường V, sinh ngày 14/09/2019 cho bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con thành niên.

[5]. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

[6]. Về nợ chung, nợ riêng: Các đương sự khai không có. Trong quá trình giải quyết không ai có tranh chấp gì nên không xem xét.

[7]. Xét ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên chấp nhận.

[8]. Về án phí: Bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 51 và Điều 56, Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Đỗ Thị Thu H và ông Phạm Hoàng L.

2. Về con chung: Giao con chung tên Phạm Ngọc Tường V, sinh ngày 14/09/2019 cho bà Hồng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con thành niên.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn và thay đổi nuôi, cấp dưỡng nuôi con được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: Bà Đỗ Thị Thu H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn) là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0007521 ngày 04/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng. (Bà H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm).

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7, điều 7a, điều 7b và điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
+ Các đương sự;
+ VKSND Khu vực 4 – Lâm Đồng;
+ T.H.A DS tỉnh Lâm Đồng;
+ TAND tỉnh Lâm Đồng;
+ UBND xã B, tỉnh Lâm Đồng.
+ Lưu hồ sơ.

Nguyễn Thị Nguyệt.